

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 29 - 11 - 2024  
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quốc Định và bà Trần Thị Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ch, huyện L, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn 7, xã H, huyện L, tỉnh H.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ch, huyện L, tỉnh H.

Phiên tòa có mặt: Anh Q; chị L vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn (anh Nguyễn Văn Q); lời khai của bị đơn (chị Trần Thị L), nội dung vụ án như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Theo anh Nguyễn Văn Q trình bày: Sau khi cưới vợ chồng anh ở chung với mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị Nh tại thôn 8, xã Ch, huyện L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12/2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, không ai chịu nhường nhịn ai nên đời sống hôn nhân của vợ chồng căng thẳng kéo dài. Đến ngày 23/9/2024, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên anh Q đã bỏ về nhà bà ngoại tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân để sống đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ tình cảm, mâu thuẫn căng thẳng không thể giải quyết được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Theo chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q lấy nhau là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng trái ngược về quan điểm sống nên có xảy ra cãi chửi nhau nhưng mâu thuẫn không quá gay gắt, chị L cũng có mâu thuẫn nhỏ với gia đình nhà chồng. Hiện nay anh Q đang bị bệnh suy thận cấp độ 3, hàng tháng phải lên bệnh viện mua thuốc về uống và điều trị bệnh. Đến chiều ngày 23 tháng 9 năm 2024, anh Q bỏ nhà đi cầm theo hơn 01 cây vàng (gia đình hai bên cho vợ chồng anh chị ngày cưới). Anh Q bỏ về nhà bà ngoại của anh Q là bà S tại xã Ch, huyện L sinh sống đến nay, chị đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin nhưng anh Q không về. Nay anh Q có đơn yêu cầu ly hôn, chị xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, nên không đồng ý ly hôn với anh Q.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về con riêng, tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:  
Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm không có lý do. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L. Về con chung, tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên toà; căn cứ vào ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do anh Nguyễn Văn Q cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn,” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn chị Trần Thị L không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L là tự nguyện và hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh Nguyễn Văn Q thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, không ai chịu nhường nhịn ai dẫn đến đời sống hôn nhân của vợ chồng căng thẳng kéo dài không có hạnh phúc. Chị L thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng trái ngược về quan điểm sống nhưng cũng không đến mức gay gắt, chị L còn có mâu thuẫn với phía gia đình nhà chồng. Quá trình giải quyết vụ án cả anh Q và chị L đều xác định, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất vào cuối năm 2024, anh Q bỏ về nhà bà ngoại để sinh sống, chị L có gọi điện, nhắn tin nhưng anh Q không trả lời, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay; quá trình giải quyết vụ án chị L đề nghị vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L vắng mặt phiên toà lần thứ hai không có lý do. Tại phiên toà anh Q vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Q là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L không có con chung nên không giải quyết.

[4] Về con riêng, tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L không có con chung nên không giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000999 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Chính Lý;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Quốc Huy**